

PHÁP HOA VĂN CÚ KÝ

QUYỂN 7

PHẦN HẠ

GIẢI THÍCH PHẨM DƯỢC THẢO DỤ

Pháp Hoa luận dùng bảy thí dụ lập bảy đối trị: Diên đảo công đức tăng thượng mạn phiền não xí nhiên, cầu quả báo Nhân thiên nói dụ Nhà lửa để trị. Hàng Thanh văn cùng Như Lai thừa... nói dụ Cùng tử để trị. Hàng Đại thừa thượng mạn cho rằng không có Nhị thừa, thì nói dụ Mây mưa để trị. Thật không có Niết-bàn mà sanh Niết-bàn tưởng thì nói dụ Hóa thành để trị. Không cầu Đại thừa dùng hư vọng giải thoát làm Đệ nhất nghĩa, thì nói dụ buộc châu để trị. Người có Đại thừa chấp phi Đại thừa thì nói dụ Châu ở búi tóc để trị. Người không có công đức không chấp đệ nhất thừa, thì nói Y sư (thầy thuốc) để trị. Nếu chỉ y bảy thứ đây đều có đối trị, thì tức vì pháp làm thí dụ, nói thí dụ lãnh giải. Đức Phật dùng Thí thuật v.v... về lý tợ như không thành. Nên biết luận ý. Nhà lửa không chỉ đại xa biên. Cùng tử chánh dùng ý lãnh giao phó gia nghiệp. Mây mưa khiến khai Quyên nhị thừa, Hóa thành dùng Bảo sở dẫn, còn lại thì có thể biết. Hoặc người khác nói: Phẩm này chỉ xuất sinh, hoàn toàn thông đạt ý chỉ kinh, hướng lại luận văn theo nghĩa năng thấm nhuần, dùng mưa đặt tên. Kinh thì theo đối tượng được thấm nhuần, nên gọi là “Dược thảo”. Dược thảo thì Nhị thừa đều có, một trận mưa thì trình bày kia quy về Đại. Gia Tường nói: Thảo mộc có hai:

- 1) Không biết đồng.
- 2) Không biết khác.

Nếu có thảo (cỏ) tốt tức năng biết đồng, thì để dụ Ca-diếp. Đây thì chỉ từ điều mà Ca diếp lãnh giải, có thể biết như vậy. Nếu từ Đức Phật thuật thì lẽ nào có thể Dược Thảo khác đều nói không biết? Lại cũng không biết “ba cỏ hai cây” là thụ hay phi thụ? Cho nên cần phải nói “nay xưa” mới hiển sự lãnh đó là đúng hay sai. Nay cho rằng đến

Pháp Hoa đây tại sao lại có cỏ phi thụ? Nên nói đúng là thảo mộc tuy vốn từ một đất sinh ra một vị, một trạch (thấm nhuần) mà không tự biết, chợt nhờ khai hiển, không gì không là tường thụ (điềm lành)! Mà còn khiến đàn chỉ (gậy móng tay) chấp tay, chung thành Diệu nhân, Sinh Vô sinh tuệ đều thành Chứng trí. Nhưng trong văn tứ Tất-đàn lại từ Ca-diếp lãnh thuật biên nói. Trong đó, trước là tổng trưng khởi. Tiếp, “Đất đai” trở xuống: là biệt giải thích tứ Tất-đàn để đáp câu hỏi ở trước.

Trong nghĩa Thế giới Tất-đàn có hai phần: Trước thí, sau hợp. Trong phần thí dụ, đất đai căn cứ nay, thảo mộc kiêm xưa cho nên nói “thông đều hữu dụng”. “Dược thảo” tại nay, dược là thảo nên gọi dược thảo. “Sở sinh...”: Nếu theo các biên nghĩa do Phật nói thì không gì không phải là dược, cho nên nói “thông đều hữu dụng”. Nếu theo năng lãnh, trung thảo là tên, thì chỉ nên nói phẩm Trung Thảo mà thôi! Cho nên nói Dược Thảo dụng mạnh. “Hữu lậu...” là hợp. Trước, là hợp xưa. Tiếp, “Vô lậu...” là hợp nay. Trong đó trước hợp tiếp dẫn chứng. “Thuật...”: là kết ý.

Văn đầu, hỏi: Nếu theo Phật thuật thì nên nói thảo mộc và do đất mưa. Nay phẩm đã là văn thuật thành, vì sao chỉ chỉ hạng Thanh-văn trung thảo, nói bốn đại đệ tử...ư? Đáp: Thật như đã hỏi, nói thông ý biệt cho nên gọi là “dược thảo”. Nói biệt ý thông lại chỉ Thanh-văn. Ý Phật tuy thông thuật họ đặc giải mà biệt ở Ca-diếp. Thuật các điều bất cập và cập của họ, là vì muốn lần nữa “thị” (chỉ bày tri kiến Phật). Hoặc biệt hoặc thông đều thành dược thảo. Đất và mưa, lại là thuật kia lãnh giải Thật, cho nên không biệt nói.

“Đức Phật tán thán...” là dẫn chứng. Kinh nói “bảo Ma-ha Ca-diếp”: vì Ca-diếp đứng đầu chúng Tăng. Cho nên, biết trong phẩm Tín Giải tuy liệt kê đủ bốn người, Tu-bồ-đề là người được nêu đầu, nhưng người tự xưng trình bày là Ca-diếp, cho nên nay bảo riêng Ca-diếp. Lại nói “và các đại đệ tử”: Tin biết đặc ngộ không riêng chỉ bốn người. “Thuật kia...”: Ngộ ắt thông khắp, lãnh thuật theo biệt. Đức Phật song thuật “Hay thay! Hay thay”. Ca-diếp lãnh thông gọi là “Dược Thảo” và cùng hoan hỷ ý đồng và lãnh kiêm thuật đồng, gọi là Thế giới Tất-đàn. Cho nên có thể theo thông.

Văn tiếp có hai: Trước thí dụ, sau hợp. Trong thí dụ nói “tòng (tụ hợp) có...”: là thí dụ xưa, đều có thói quen lâu đời (tích tập) cho nên gọi là tụ hợp nuôi dưỡng. “Thời lâu”: Trải qua hai vạn ức kiếp còn tại phương tiện nay mới khai hiển, nên nói dược nhuần một trận mây mưa. “Đây...”: thí dụ nay, “mây mưa” như dưới giải thích. Nói “phù sơ”:

“Phù”: là phù trợ. Nhĩ Nhã nói: Rừng có cây cỏ gọi là “sơ”. Dùng xưa trợ giúp nay mới có thể kham thọ ký. Nói “Vi hoa”: là sáng rực đầy đủ. Một trận mây mưa thấm nhuần khiến cây cỏ tươi tốt. Vô thủy tánh đứ như “đất”. Phát tâm Đại thừa như trồng cây. Phát tâm Nhị thừa, như cây cỏ nảy mầm. Nay nhập Sơ trụ như đồng thành mầm cây Phật thừa... Trong đầy đủ mười lực, gọi là “lực”, lực có thắng năng làm dụng, đối với mầm giống thân cho nên đầy đủ gọi là bên trong tiểu quả được thọ ký như mầm giống tốt tươi... “Thí các...”: hợp xưa. “Nay được...”: hợp nay. Trước hợp tiếp chứng, sau kết ý.

Văn đầu: Đã khai hiển rồi tự lợi kiêm vật, từ nơi tự tha thọ lợi ích được tên, gọi là Vị nhân. Tiếp, Đối trị và Đệ nhất nghĩa, trong đó có hai: Thí dụ và hợp. Trong thí dụ cũng đầu tiên là thí dụ xưa. “Nay nhờ...”: là thí dụ nay. Nói “Tứ đại...”: ba bậc được ở thế gian đều chẳng phải Được Vương. Bậc hạ trị tứ đại, bậc trung lợi ích năm tạng, bậc thượng có thể trở lại. Nói “gió lạnh”: Lược nêu hai đại, xưa trừ bệnh Tứ trí, chỉ nuôi dưỡng ngũ phần thân, kéo trở lại chân lý, nghỉ tạm nơi Biến dịch sắc. Nay dùng mây vô duyên từ để che mát, rửa sạch thì dùng mưa pháp vô tư, khiến hạt giống xa thâm hoạch lợi ích không thiên vị, khiến cỏ vô thường yếu ớt bèn trở thành thường trụ Được Vương. Tự hành kiêm nhân đều trừ ba hoặc, cho nên nói “trị khắp”. Phải biết tự tha đều thành thường thân Phật đại tiên. Tiếp, bốn chữ: “Thí chư vô lậu”: hợp xưa, từ “Nghe kinh...”: là hợp nay, cũng là hợp chứng kết ý. Nói “Gia trước”: “Gia” là thiện, “trước” là lậu. Chữ “xưng” đọc khứ thanh. Thiện bắt đầu khiến đến cuối gọi là “Gia trước”. Nghe khế lý, nên nói “xưng vi”. Lại nương nhị thừa lãnh giải để nói cho nên đều gọi là Vô lậu, đây đều thành Phật thừa. Tứ Tất đàn nói là “Đối trị và Đệ nhất nghĩa”: Theo biến trị biên, tức nghĩa Đối trị. Theo thành tiên biên, tức Đệ nhất nghĩa. Ngoài ra ba thứ căn cứ Giáo... không ghi. “Vân vân” là: cỏ cây là ba giáo, đất mưa là Viên giáo, tức là căn cứ Giáo.

Nếu bản tích thì: Bản trụ trí địa từng cho mây mưa, Tích là cỏ cây dẫn kia tăng trưởng. Quán tâm, đầy đủ như trong Huyền Văn lợi vật vi diệu về sau. Lại, căn cứ được làm quán: Như Chỉ Quán quyển 10 nói. Tứ được trị kiến đủ thuật quyền thật, tư duy cũng theo lệ như vậy. Các sư xưa tuy nói trình bày ân Phật sâu, mà không có ý mười ân thì thuật cũng không khắp. Sư xưa cũng không dùng “dạy làm” mà làm Thám lãnh. Ví như lập Thám lãnh, đây cũng chỉ như văn dưới Nam Nhạc phán quyền công đức. Sư nói: Chánh chỉ Nam Nhạc Nhị thừa tuy lại tự lãnh biết cõi mình. Đã nói là “khéo thuyết” tức lãnh đủ một đời Quyền Thật.

Nay Đức Phật thuận theo tất cả thuật sở lãnh của họ.

Mười ba hàng kệ văn dưới đem ý xưa đã dẫn trở lại phá xưa. Ca-diếp tuy tự lãnh ân sâu của Phật mà đó như Phật thuật khéo nói công đức chân thật của Như Lai, lẽ nào riêng pháp nhị thừa ư? Thí dụ dạy làm là công đức quyền của Phật, cũng là bài xích người xưa thuật không cùng khắp. ‘Thí dụ người dạy làm’ là ít phần trong pháp quyền mà thôi! Đầy đủ như trước giải thích nghĩa “Ngày khác” tức là hai nghĩa tha (khác) trước; tha tức là quyền. Lẽ ra nói: Đây thật là con ta, lẽ nào riêng người dạy làm ư? “Nay nói...”: là sư nay giải thích. “Bắt đầu thiên tánh...”: Thiên tánh tức chỉ nơi Đức Phật Đại Thông, như ý đầu trong mười ân. “Trung gian...” đầy đủ như chín ân dưới. Thiên tánh còn thông kết duyên theo biệt. “Tự vi...” Tự là từ, từ Tiểu đại đến ân thứ mười cho nên nói “nhiều”, lẽ nào chỉ một đời giáo ư? “Song thuật...”: hai nơi nghĩa là hai phương tiện nhà lửa. Do trong Tín Giải lãnh giải cả hai nơi, nay cũng song thuật hai nơi lãnh giải. Nếu không như vậy, thì luống thuật có lợi ích gì? “Khéo thuyết...”: là thuật kia lãnh đủ Như Lai Quyền Thật giáo pháp, đây là căn cứ Nhân duyên mà giải thích, cho nên không đồng nơi khác (tha) dẫn luận phá không có Tiểu. “Lại Hoa Nghiêm nói...”: là thuật khắp sở lãnh tức căn cứ Giáo. Trước giải thích còn tổng, đây giải thích thì biệt. Tổng biệt nghĩa một bản tức Quán tâm đại ý đồng trước. “Lãnh sở bất cập”: là nêu “bất cập” của Ca-diếp để làm rõ loại chúng khác có phần. Lại, nêu “bất cập” của Ca-diếp chỉ bày sự lãnh khắp của Ca-diếp. Lại, chỉ bày sự lãnh khắp của Ca-diếp, tức biết một nhiếp thu tất cả. Trong đó, trước là nêu, tiếp “Vì sao vậy?...”: là giải thích. Giải thích ý: Nếu chỉ thuật Nhị thừa thì chỉ nên theo trung thảo làm đề phẩm và ngoài sở lãnh giải lại thuật “bất cập”. Khiến biết ý như sở lệ trước nay. Lại nói “thuyết không thể hết” là nêu bất tận, Phật thuyết còn không hết hướng chi Ca-diếp ư! Trong đó, trước trình bày ý Phật, ý Phật đã khắp nghiệm biết sự lãnh giải có tốt cùng.

Tiếp “Sao bỗng...”: là trách Tề giáo kia thông suốt các câu. “Không nói rõ (Bất đáo)...”: là chánh thuật “bất cập thoái tiến...” dùng vị nhị thừa vọng trên làm tiến, vọng dưới làm thoái. Mười giới mỗi mỗi tự có nhân quả, không do thứ lớp cho nên gọi là “ngang”, một người tiếm khởi cũng được gọi là “dọc”. Nay dùng tạp khởi và đủ hữu biên, chỉ được gọi là “ngang”. Lại, do nhiều người thứ lớp tương vọng và pháp sâu cạn cũng được gọi là “dọc”. Người người đều trú cũng được gọi là “ngang”. Thất phương tiện là dọc. Nếu bảy người đều bảy, thì trước sau tương vọng, bảy người đều một thì Đại Tiểu tương vọng. Bảy

người truyền nhập, bảy người nhập thật, đều được gọi là “dọc”. Lại, ba đời gọi là “cũng ngang cũng dọc”. Đời đời biến khắp mười phương mười giới cũng gọi là “ngang”. Như vậy, phẩm loại đều theo các vị, tám giáo điều thực, mới đối ngày nay cùng Ca-diếp... hoặc là đồng hoặc là biệt, chưa nghe khắp lãnh cho nên Phật chỉ bày. “Phàm núi sông” đến “bất cập”: Đây là “Chẳng ngang chẳng dọc bất cập”. Như các văn dưới kết sai không sai. Không sai tức sai, sai tức không sai, không đúng ngang dọc. Không sai biệt tức sai biệt mà ngang mà dọc, nay theo không sai biệt mà gọi chẳng ngang dọc. Từ mà sai biệt biên, như ngang... nói ở trên. Đầu tiên, “núi sông ...”: đối đủ các pháp, đều cùng lý bình đẳng đồng dùng một đất mà tổng xuyên suốt. Đầu tiên, có người dùng đất ví như Lại-da thường trụ, lý đó không thành. Đối ngũ âm thế gian để nêu rõ nhất Thật sai biệt không sai biệt, đều là thật tướng cho nên tổng gọi là “địa”.

Tiếp, “Cỏ cây...”: căn cứ nhân tu tập Ngũ thừa Thất thiện. Đối nơi nhất thật nêu sai biệt không sai biệt v.v... Tiếp, “một đám mây...” đến “đầu ba cuối một”: căn cứ năm thời giáo đối nay nhất Thật nêu sai biệt không sai biệt. Trước là thí dụ, tiếp “Như Lai...”: là hợp. Sinh công dùng mây dụ cho pháp. Nhà chú giải dùng mây dụ ứng, làm sao trung đạo thiên chân mà từ chối con thế tục ư? Đốc thúc luận lý kia tại sao nói là tục ư! “Như rồng khởi...” là thí dụ trong thân Phật năng mang pháp thể. “Tổng thí đó là...”: tổng hợp, lại không tiến thoái ngang dọc... Tuy đủ ngang dọc và cũng ngang dọc đối với nhất thật, nhậm vận thiết lập luận chẳng phải ngang dọc. Căn cứ khai hiển nói, kết sai biệt không sai biệt thì khai tất cả trước đều thành không sai biệt. Tiếp, “Bất cập...”: nêu ý Đức Phật bài xích “bất cập”. Nhị thừa bắt đầu nghe mới nhập Sơ trụ. Lại tự thuật pháp sở nhập của mình, đức Phật muốn qua đó thuật những gì không lãnh, pháp ấy còn nhiều, Nhị thừa nếu nghe cũng thành lãnh khắp, đầy đủ như trước nói. Nói “chưa cùng”: Cực chỉ địa sau dọc nhập biên nói. Nếu muốn thuật khắp thì chưa rồi thuật đến cuối cùng, do đó Ca-diếp thuật bản thân là vậy.

Đầu tiên là giải thích theo Nhân duyên . “Lại, sơ ngộ...”: là căn cứ giáo. Nếu Ca-diếp lãnh ngộ mình thì tức là nhiếp tất cả, dùng viên đối thiên tức khắp lãnh giáo.

Ca-diếp sở chứng tức bắt đầu chữ A, vì rằng liền sau là chữ Trà, khắp lãnh không sai biệt. “Lại, Quyền hành...” : là Bản tích, chỉ thiếu Quán tâm, đầy đủ như Huyền Văn giải thích pháp. Nếu y nay lãnh, thì tức Không cho nên sai biệt tức không sai biệt, tức Giả cho nên không

sai biệt tức sai biệt; tức Trung nên phi sai biệt phi bất sai biệt. Ngang dọc theo lệ biết. Trong rộng thuật thành có hai đoạn: Văn đầu thuật đủ ba cây hai cây sai biệt không sai biệt, tức là rộng giải thích lãnh sở bất cập. Vì trách Ca-diếp lãnh sở bất cập do đó văn dưới vẫn tán thán Ca-diếp, nêu rõ kia tuy có lãnh bất cập mà dù lãnh các ý cũng không ngoài Quyền thật, lại tiếp dẫn đó. Cho nên kết tán nói: “Các ông năng biết công đức Như Lai”. “Khuyên tin”: Ở đây các “bất cập” bởi vì chỉ có Như Lai năng biết, cho nên nêu “Pháp vương” để khuyên những gì mà Ca-diếp bất cập, thì càng phải tín thọ. Nếu y đây lãnh rồi thì năng biết.

“Vì nêu thí dụ Mây lớn làm bản”: Mây lớn bủa khắp tất cả, mưa lớn thấm khắp tam thiên. Thọ lợi ích đã thật, năng gia-bị đến chẳng đối. “Đối với tất cả...”: Nếu không có trí thì không thể thuyết, nếu không có giáo thì không thể thuyên (giảng). Muốn biết trí tại thuyết, quán giáo mà biết trí. Nay theo thuật giáo, cho nên trước là giáo. Nếu đầu phẩm Phương Tiện muốn dẫn năm Đức Phật sở thuyết thì trước tán thán hai trí. Đã là tương thành tức trước sau xen nhau nêu. “Nhất thiết pháp...”. Hỏi: Vì sao Thất phương tiện trong văn trước nói lãnh bất cập, thì phương tiện là dọc, nay sao nói là ngang?

Đáp: Căn cứ nhân (người) cho nên dọc, căn cứ pháp cho nên ngang. Lại nhân pháp đều có ngang cùng dọc, đầy đủ như trước nói không thể phán cố định. Cho nên lại dùng ngang đối Thật, cũng gọi là dọc.

“Nếu nói không như vậy...”: là giải thích ngang dọc đây. Đầu tiên trong giải thích dọc nói: Nếu nói tất cả pháp không phải là Thất phương tiện dùng đối nhất Thật làm dọc, thì như ở nơi hai vạn ức Phật sơ phát Đại tâm tức là tất cả pháp thật, trung gian lưu chuyển hoặc lại phát tâm, không ngoài bảy pháp. Cho nên, bảy pháp là ngang đối nhất Thật làm dọc. “Lại, mười pháp giới...”: là giải thích ngang. Trong thân một người mà còn đầy đủ mười, huống chi lại không đủ bảy ư! Một người đã vậy, nhiều người cũng vậy. Một thú đã vậy, các thú khác cũng vậy. Cho nên bảy pháp là ngang. Trong thân Như Lai hoặc mười hoặc bảy, nhất niệm chiếu suốt ngang dọc không bỏ sót. “Pháp đây tuy nhiều...”: Bảy thu nhiếp Quyền hết tất cả vì hợp cơ không ngoài bảy pháp. “Vì nhân thiên...”: nêu rõ Phật năng chiếu cho nên năng thuyết, trong này đã riêng nêu Nhị thừa, cho nên Tam tạng sự độ tức Bồ-tát. Thông vô sinh gọi là Thông tam thừa. Thuật kia khai tam: Trình bày đủ bảy thiện mà nói ba: Ba từ xuất thế chỉ khai Bồ-tát thêm nhân thiên nghĩa nên thông bảy. “Cứu cánh...”: Đây nêu các Quyền đều quy về Thật tướng, cho

nên tam giáo giáo trí chưa hội thì không gọi là Nhất. Lại không phải chỉ rõ pháp đây từ nơi bản vô trụ mà lập cho nên không được nói “cứu cánh bất nhị”. Nay nói bất nhị, là thủy chung nhất. “Tánh kia...”: “Quảng bác” thì là “nhất”, cho nên gọi là “thiết”. Chữ “thiết” đều thông huấn dạy chúng. Cùng hiển bất nhị là thiết của một nhà, gọi Nhất thiết trí.

“Tịch mà thường chiếu”: Trí sở y địa năng sinh các trí, cho nên gọi là “trí địa”. Đây từ cảnh thuyết. Nếu trí tức địa thì năng sở không hai, cho nên trí cũng gọi là bản vô trụ, cho nên cũng được gọi trí là địa. Chánh hiển năng lập, lập cũng sinh, nên trí địa đây năng sinh các pháp cho nên song song gọi trí địa là bản vô trụ. “Vì sao vậy?...”: Vì để bài xích sự xưa, bỏ ngoài những ý trên, các giải thích khác đều không đúng, như đã trời tối mà lại ngủ mê sâu. Ở đêm vô minh, lại mê muội giải thích lời Thánh, sao có thể hợp lý ư? “Ví như Đại Phẩm...”: là dẫn chứng trí địa cho nên trước dịch tên. Thật tướng là thể, trí tức là dụng. Nếu địa của trí gia tức chỉ thật tướng, thì hết thấy đều là đại. Do trí hiển địa, do thường đến cực cũng là từ thủy đến chung y địa đến cực. Đại sự đại thừa đều phải chọn trang nghiêm trâu trắng. “Ngoài ra hai...”: Chỉ không là một, đều gọi là hai. “Đây là căn cứ” đến “khai Quyền hiển Thật”: vì trong tiệt đốn không ngoài Thất phương tiện, cho nên trong tiệt đốn có Quyền thì đều khai.

“Từ: Như Lai” đến “giải thích giáo”: Quyền giáo đều thành thật Giáo là bởi do dùng trí bất nhị mà đồng chiếu “Biết sở quy thú” đến “đều có quy thú”: năng có sở thú, cho nên gọi là chỗ hướng đến (sở thú). “Giới thiện...”: nêu Thất phương tiện. Pháp đều có viễn cận: Đương vị gọi là cận, đến tốt cùng gọi là viễn. Đương vị gọi là Quyền, hướng đến tốt cùng gọi là Thực. Quyền được sở trị thì gọi là Quyền bệnh. Trong quan hệ đó chỉ có viễn thì cũng không đúng. Thiện không tự tánh, viễn cận do người; trong đây trước nêu giới thiện cận tại người trời. Nói “làm duyên”: Từ viễn được tên, nên nói “nếu làm”. “Niệm xứ...”: nói “phước đức”: là ý Đại kinh. Kinh nói Thanh-văn: Phước đức trang nghiêm hữu vi hữu lậu, cũng do ở sau Pháp Hoa cho nên nói khai tướng có thể trang nghiêm Pháp thân. Niệm xứ kiêm nơi hai giáo Nhị thừa, nay vả lại đối với Tam tạng Thanh-văn. Ở giữa siêu vượt ba người cho nên nói: “cho đến”. “Lục độ Thông Biệt” mỗi mỗi thiện căn đều có hai thú, Đức Như Lai khéo biết.

Hỏi: Biệt thú đã viễn (xa) tại sao cũng hai?

Đáp: Mười hai phẩm hoặc và dùng quả của ngã làm nhân của tha, lẽ nào chẳng phải cận ư?

“Lại, cận viển”: Cận từ vật tình, viển có ba ý:

1) Thiện thể.

2) Từ bản kỳ.

3) Từ ý Phật.

Ý Phật lại có hai:

1) Thuận cơ.

2) Theo thể.

Chỉ có Như Lai khéo biết thể tánh, nói thể tánh lại thông hai đường, tiếp cận khiến viển thể tánh đều còn. Đây là ở trong quyền lấy ý thật giải thích, tức là chánh ý quyền thật của kinh này. “Lại, giới thiện...”: là lại giải thích: Riêng (đơn) từ bên được mà giải thích Thất phương tiện, gọi là biết được (thuốc), thâm tâm sở hành gọi là biết bệnh. Năng tri tức là biết được. Nói “hai thứ”: Sở chấp kiêm Hoặc vi tế, y chánh chỉ có Hoặc thô. “Chướng nhân thiên”: lại từ cận nói. “Đắm sở chấp”: Do Tứ đảo... đều đối các thừa, nhưng thô Hoặc chẳng phải hoàn toàn không chướng ngại thừa, chỉ vì không chấp lý cho nên nghĩa chướng thừa yếu. “Đắm sở chấp”: không phải không có Thập ác làm mất Nhân thiên thừa. Bất cứ sâu cạn đều gọi là “chấp”, cho nên dùng chấp... tùy nghĩa đối với nó. “Một trí chiếu khắp” nên chẳng phải chỉ chiếu hết thấy mà thôi, cần phải đối một được một bệnh mà thấy tất cả được tất cả bệnh. Văn dưới đã nói tất cả pháp, tức là mười giới cho nên một được một bệnh đều đủ mười giới. Biết các pháp tận, gọi là biết bệnh, nhờ được hiển bệnh. “Biết tất cả thâm tâm...”: Nếu không biết được thì không biết thâm tâm, nhờ bệnh hiển rõ được.

“Nhược can” nghĩa là bao nhiêu, nhiều. Như pháp thể kia pháp thể vốn Không, cho nên “nhược can vô nhược can” (nhiều không nhiều). Lại như dưới nêu tâm pháp trần, ví như sai biệt không sai biệt. Hai câu đầu nêu pháp tướng, căn cứ tâm sở duyên pháp trần để biện rõ. Tiếp, “Tâm có...”: là biện rõ biệt: Tiếp, “Tâm bất ly...”: là biện rõ tức. Tiếp, “Vô số...”: là biện rõ tức tướng. “Quyền thật...”: là hợp thí. Chân pháp vốn không do tâm có số gọi pháp là số. Toàn tâm là pháp, toàn pháp là tâm, không thể hợp đủ, chỉ khiến thuật cho nên chú giải “vân vân”. “Ví như...” thứ hai là Thí thuyết văn chia làm hai: “Đầu, thí. Sau, lại tông xưng tán”: Căn cứ trước sơ khai nói: Đầu thuật khai hiển, tiếp kết tán thán. Trong văn đầu tự phân chia làm ba: Pháp, thí, hợp. Nay đến trong thí lại nói “trước thí, tiếp lại tông”. “Bởi do các ông! Ca-diếp...” văn đủ hai nghĩa: Cũng gọi là kết trước khai hiển tức như trước đã khai, cũng gọi là lại tông xưng tán, như sau sở khai. Nói “lại tông”: Trong đây đại

ý vốn thuật Ca-diếp, trong đó rộng xưng tán Như Lai nhị trí, tợ như chỉ tán thán Như Lai không liên quan đến thuật thành. Cho nên văn sau nói: “Ca-diếp! Các ông rất là hy hữu”. Đây thì lại tông trước thuật Ca-diếp, trong đây dùng thuật Ca-diếp làm tông cho nên nói “lại tông”. Do tán thán Như Lai là tán thán Ca-diếp, cho nên nói “xưng tán”.

“Ba cỏ, hai cây...”: là thuật thí dụ, giải thích nghĩa sai biệt không sai biệt. Tiếp, “Nếu quán...”: là biện rõ nguyên do thí dụ sai biệt không sai biệt. Nếu quán ngọn nhánh thảo, mộc thì có sai biệt. “Nội hợp phương tiện...”: hợp Quyền trí. “Thật trí...”: hợp Thật trí. Trong cụm từ “Sai biệt vân vân” thì “vân vân” là: Đều nên nói chi tiết: lấy sai biệt không sai biệt dùng đối nhất Thật và dùng Thất thiện, Ngũ thừa. Gieo trồng hạt giống do trí địa của Như Lai. Vật tình tợ cho là sai biệt, đầy đủ tươi tốt do mưa pháp của Như Lai. Pháp chẳng do tình mà năng sai biệt. Chúng sinh sở thọ cũng là trí địa, địa cũng là pháp chỉ lúc gieo trồng giống. Trí địa nghĩa kiêm tâm địa chúng sinh, cho nên sơ tâm gọi là “địa”. Giải thích “Thí dụ sai biệt”:

Hỏi: “Đất đai” và dưới nói “một đất” sai khác thế nào, mà trong đây thí dụ sai biệt, bên dưới thí dụ không sai?

Đáp: Dùng thí dụ đều sai biệt, dưới thí dụ thật lý, đây thí dụ báo ấm, cho nên không đồng.

Trong đây trước phá xưa: Tập nhân và báo quả, hai nghĩa không đồng, cho nên biết người xưa không nên dùng sông núi... mà thí dụ Tập nhân, bởi vì tập nhân ắt phải tăng trưởng. Cho nên văn dưới đây thì “Ba cỏ, hai cây” đều có nghĩa tăng trưởng, tức Tập nhân. Nay văn chánh giải thích chỉ dùng sông núi..., dùng thí chúng sinh ngũ ấm hai thứ thế gian giả thật không đồng, cho nên nay dẫn hai văn dưới đều chứng nghĩa báo quả của nhân thiên v.v... “Lại...”: là biệt thí: Trước thông vì năm thừa, năm ấm làm thí dụ. Nay đều thí dụ năm thừa năm ấm. Như núi tuy cao nhất cũng có gò cao thấp... năm tướng. Chữ ô: Gò thấp, nếu y nghĩa đây nên viết chữ huyệt, ao. Cũng nên nói chữ sa (trũng) gò cao, nghĩa là sông núi hang cốc khe đất đai trong một mỗi tướng lại có năm tướng. Như đất tuy bằng cũng có cao thấp tợ như núi... xuyên: (sông): Là nước lớn năng xuyên thông cho nên gọi là “xuyên”. Phan Nhạc Quan Trung ký nói: Nước có tám dòng sông: Kinh, Vị, Bá, Sảo, Phong, Cao, Lao, Duật. Nên biết chỗ nước thông đều gọi là “xuyên”. “Khê”: Là cùng tận sông ngòi, nguồn xuất ra từ núi cho nên gọi là cùng. “Cốc”: Nước chảy ở khe. Lại suối thông sông gọi là cốc, đâu có ngăn ngại gì đây... đều có năm tướng cho nên dùng thí dụ Ngũ thừa ngũ ấm. Trong cụm từ “Sông

núi y thế giới vân vân” thì “vân vân” là: tế hợp ẩm nhập Tập nhân pháp tánh ba pháp, tướng xoay chuyển nương nhau. Nên nói Tập nhân khai làm Duyên, Liễu, cùng ẩm nhập kia bất tức bất ly. Ẩm tập cùng chánh pháp, tánh bất tức bất ly. Sáu văn rõ ràng, trách nơi người xưa không lập thứ sáu làm nghĩa Tập nhân tăng trưởng.

Nói sáu: 1) Đất đai. 2) Thảo mộc cho đến thứ sáu là tăng trưởng. Cho nên biết nghĩa đầu chỉ tương đương sông núi chưa liên quan đến hai nghĩa chủng tử tăng trưởng. “Lại tiếp... như đây” đến “trước sau ư!” Các sư xưa dùng nghĩa thứ sáu của sư nay đặt làm nghĩa thứ nhất, cho nên trách nói sao chép trước sau. Lại dùng nghĩa đất làm cuối cùng và nghĩa đầu: tam thiên làm tổng mà dùng khe hang... làm phân biệt gián đoạn cho nên nói lẫn lộn kinh văn. Trị bệnh lực dụng thù thắng. Nếu phân biệt hai chữ “dược thảo”, thì dùng tiểu thảo riêng gọi tên “thảo”, ngoài ra thì gọi chung là “dược”, tức chỉ vô lậu. Lại, hàng nhị thừa theo sở thuật mà nói thì gọi là trung thảo, cho nên xưng hạ thảo trị bệnh lực yếu, thượng thảo đồng phạm phu trị bệnh cũng kém. Từ phát đại tâm cho nên cũng gọi là “dược”. Hai cây (mộc) lại từ phú ẩm (che lấp) làm công cho nên biết thông đề, biệt tại trung thảo, thông luận đều là dược chỉ lược chữ mộc thôi! Đây đủ như đầu phẩm phân biệt có thể thấy. “Chất cán” là pháp thể, “Phúc ẩm” là từ bi. “Khí dụng” là lợi vật. “Ví như hai Bồ-tát”: Thông Biệt Bồ-tát. Nếu vọng hai giáo thì nhị thừa và Tam tạng Bồ-tát, vả lại nói đại. Nhưng Thông Bồ-tát nếu vọng Tam tạng, cảnh thế nguyện rộng tuy không hơn kém, mà dùng Thông Bồ-tát: 1) Diển môn thông viên. 2) Thông nơi biệt cho nên nói rộng. Thất thiện chỉ là Thất phương tiện thôi! Như từ tu tập đương thể đặt tên, phương tiện tiến thú công năng lập xưng. “Mây dày tức tam mật”: Phạm nói tam mật ắt căn cứ Ứng Hóa. Tự thọ dụng báo bình đẳng pháp thân, thì ở đâu mà luận về mật? Phúc ẩm ví như từ bi của đức Phật...: Che rộng thì chất lớn, che hẹp thì chất nhỏ, chất nhỏ thì lợi cận, chất lớn thì lợi viễn. Viễn mật cận sơ, tùy đều sai khác, tùy kia mà dụng trí hóa cảnh không đồng.

Trong cụm từ “Không mưa vân vân” thì “vân vân” là: nhân đem mây... để thí dụ tam mật, tiện dẫn sắc mây không đồng. Điện Sư danh khác có lôi (sấm), do duyên mưa không đồng. Nay dùng mây dụ ứng thân, sấm thí dụ danh xưng, sấm dụ phóng quang, mưa dụ thuyết pháp. Trường hàng không có nói sấm chớp, trong tụng có đủ. Có chớp ắt có sấm, sấm ắt có mây, mây ắt rót mưa. Nay không dùng “mưa không có chớp không có sấm, mây không mưa”, làm thí dụ, nên dùng ý đây hợp

thân mây..., ứng sắc chẳng phải một. Vả lại rộng nêu năm để ứng Ngũ thừa. Đức Phật làm giáo chủ, thí như điện sứ, căn cơ chúng sinh cũng như điện sứ, cảm ứng hợp nhau giống điện sứ đấu tranh, tùy cơ có cảm ứng phát ánh sáng. Lại tứ đại đấu tranh cũng thí dụ cơ ứng. Nói “Năm việc không mưa”: Tổng dùng không có cơ Ngũ thừa để giải thích có cơ, do không có cơ nên mưa pháp không giáng xuống. Phàm dẫn sự thí đều có cận viển, trong đó không cần dùng Lục thiên, Tứ vực trong kinh Hoa Nghiêm, chỉ mượn ý kinh A-hàm làm thí dụ thôi?

Lại nữa Tập A-hàm nói; Trời Phong Vân suy nghĩ rằng: Ta nay muốn dùng thần lực du hý, suy nghĩ rồi thì gió mây liền nổi. Điện trời sấm chớp, trời tạnh trời lạnh nóng cũng lại như vậy.

Hỏi: sáu thí dụ này vốn thí dụ sai biệt, sao một trận mưa mây dày làm thí dụ không sai biệt?

Đáp: Vãn dưới nói mây mưa chỉ là mây mưa trong đây thí thôi! Nay từ sở vũ được gọi là sai biệt.

Hỏi: Nếu như vậy thì cùng thảo mộc đâu khác biệt?

Đáp: Thảo mộc chỉ từ thảo mộc lập tên, mây mưa chính từ sở hiển làm năng, cho nên không đồng.

“Tám âm bốn biện” như trong sách Pháp Giới Thứ Đệ nói. Lẽ ra phân giáo biệt, nay từ tột cùng thuyết. “Thấm khắp...”: Tuy nói Ngũ thừa vốn gia bị Nhất thật, lẽ nào khi thọ thấm nhuần ly thật địa ư! “Tín giới...”: Ngũ thừa đều nhờ bốn pháp đây, chỉ có Nhân thừa thiếu định tuệ, dùng tâm sở thì xúng. “Nêu rõ thảo mộc kia tùy phần” đến “hai nhân”: Tập nhân tăng trưởng để thành báo nhân, cho nên tập nhân tăng trưởng tức báo nhân tăng trưởng, đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển 8 ghi. Lược thuật các luận về tập báo nhân..., chỉ kia nêu rõ phát tướng đây biện rõ tu tập. Sáu tế kia độ bảy phương tiện đây, lấy đây làm khác.

“Hoa quả đơm kết” đến “hai quả”: Hoa như tập quả, quả như báo quả. Đây cách chữ làm đối, lẽ ra nói đơm hoa kết quả, cũng có hoa mà chưa đơm, quả mà chưa kết. Cũng có thể thí dụ hai nhân. Nay dùng “đã phu đã thật (đã đơm kết)”, cho nên khi đến quả thì y chánh rõ ràng. “Đạo tiền tâm địa” đến “Trí địa”: Đây gọi là “Đạo tiền hậu”, danh có thông biệt, Đạo hậu định tại quả hậu, Đạo tiền thông đến phàm phu. Cho nên trong phẩm Phương Tiện cũng lấy Đẳng giác về trước làm Đạo tiền. Trong đây phải dùng bạc địa phàm phu không giới thiện làm Đạo tiền, dùng Ngũ thừa làm Đạo trung, do đó Đạo tiền Đạo hậu lý chân như bình đẳng đều là địa. Địa thể không sai biệt nhưng đều năng sanh, cho nên biết chúng sanh Đạo tiền tâm địa, sao thường không có tánh năng

sinh ư? Mà không năng sanh không năng thành. Ất nhờ vào cực quả trí địa của đạo hậu khiến sanh khiến thành. Phát tâm về sau cứu cánh về trước, đều nhờ Trí địa mà thành thực. “Khai phát Đạo trung”: Lại đem sơ vọng hậu, Ngũ thừa ở giữa. Không phải cho rằng Ngũ thừa tức có chân như. Ngũ chủng thiện căn tức Ngũ thừa, đều căn cứ Như Lai hóa ý biên nói, cho nên nói “cuối cùng là nhất âm”. Nói “cuối cùng là”: cuối cùng không định năm, cho nên nói vậy. Chúng sinh được gia bị tụy năm, hóa ý chỉ một, từ biên hạn quyền nghi phải gọi là bốn vị.

“Hợp thí thứ lớp”: Trong đây chỉ nêu trong hợp tương sinh, căn cứ lý thì cũng nên nêu thí dụ tương sanh. Thí dụ tương sinh: Do có chúng sinh ngũ ấm cho nên có Ngũ thừa thảo mộc. Có ngũ thừa chủng tử cho nên mật vân (mây dày) ứng thế, nên ất thuyết pháp, thuyết ất có thắm nhuần, thắm nhuần ất tăng trưởng. “Vân vân” là: nên dùng sai biệt đối nhuần đồng nói sai biệt không sai biệt bình đẳng. “Chương môn”: “Mười hiệu” như trong Chỉ Quán quyển hai lược giải thích. “Tứ hoàng”: Triệu sư nói: “Phát tạng na ở tâm ban đầu, cuối cùng dùng đại bi ứng phó nạn”. Bản Nghiệp Anh Lạc đủ đối Tứ đế. Nhưng kia thuộc Biệt, nay phải tại Viên. “Tri đạo...”: ba thứ “bất hộ”: Thường cùng trí đồng. Sáu thứ pháp môn bắt đầu từ mười hiệu cuối đến ba nghiệp, các giáo hóa nêu tất cả quả địa, thần dụng pháp môn. Sáu thứ đây nhiếp đủ cho nên lược nêu, hưởng chi sáu môn đây mỗi môn xen lẫn nhiếp. Đây sáu thứ lớp: Do đủ mười hiệu cho nên có Tứ hoàng cho nên nói người chưa được độ thì làm cho được độ.... Tuy dùng Tứ hoàng, nếu không có Tam đạt chiếu cơ thì bất biến, ba trí đầy đủ mới gọi là “đạt”. Trí ất có nhãn. Ba pháp đã lấy định tuệ làm nhân, mà thâm hoạch nhãn trí hai quả, cho nên có trí ất có nhãn. Như đây năm khoa đều do ba nghiệp tùy trí tuệ hành, cho nên lược nêu sáu khoa để chỉ bày năng ứng. Đức Phật tự xưng đây để hiển nghĩa năng mưa pháp. “Tức là mười pháp giới” đến “sai biệt”, tuy thông mười pháp giới mà tứ thú nghĩa không tăng trưởng.

“Bấy giờ”: là khi quán căn cơ. Nói “nếu luận”: Lại nêu Hoa Nghiêm. Nói “lợi độn” thông ba, bốn vị, mười pháp giới. “Thông biệt viên vân vân”: Đây phải cần ba phen lần lược nêu lợi độn. Nhưng câu đầu nói Thanh-văn quán sanh diệt, Bồ-tát quán bất sanh diệt đã là thông. Văn dưới lại nêu đủ ba Thông v.v..., là chỉ lần nữa nêu đối Biệt, Viên thôi! Tức dùng Thanh-văn khắp thâm Tạng giáo. Trong cụm từ “là tinh tấn vân vân” thì “vân vân” là: Cần căn cứ ba giáo Bồ-tát cầu Phật truyền nêu “tấn đãi” (siêng và lười). “Tùy kia” đến “không có lỗi tăng giảm”: là xứng căn cơ Ngũ thừa cho nên không tăng giảm. Như căn cơ

người trao dùng Thập thiện làm tăng, căn cơ Trời trao dùng Ngũ giới làm giảm. Như vậy cho đến Bồ-tát lần lượt tương vọng cũng vậy. “Báo nhân” đến “tập quả”: Văn trước chỉ nói Đơm hoa kết quả để dụ hai quả. Nay trong hợp bèn dùng hoa hợp Báo quả, quả hợp Tập quả. Nếu không y đây hợp tức căn cứ văn trước; hoặc là biệt có ý. “Như nói Bát-Nhã Phương-Đẳng nêu các địa ngục”: trong kinh Đại Phẩm nói: “Như Lai phóng quang chiếu các địa ngục”, đây đủ như Thích Tiêm dẫn. Nói kinh Phương-đẳng cũng như Thích Tiêm. Trong đây dẫn ba ác: Trong kinh chỉ nói thiện xứ, nay dùng ác đạo: 1) Vì muốn nhiếp mười pháp giới. 2) Ba ác có bảy thiện cơ, nay nói “cũng” là dùng ý để giải thích. “Sinh thân Bồ-tát” lại chỉ Địa tiền, nhưng căn cứ Quyển giáo địa tiền không thể Nhất sinh cho nên phải y Thật giáo để nói. “Sau sinh Tịnh mãn giới”: Xá-na kia âm, đây chỉ cõi Thật báo là “Tịnh mãn giới”. “Bồ-tát thừa xuất nạp không có lợi trí”: lại chỉ Tam tạng Bồ-tát.

“Hỏi...”: Hiện văn đều có tám lớp hỏi đáp. Ý muốn như hỏi mà không biệt nói, chỉ ghi chú “vân vân” là: Căn cứ nghĩa vẫn có ý đầu trong tám, chỉ nên dùng xuất thế mới chính gọi là thừa. Vì sao phải liệt kê Nhân thiện thừa ư? Cho nên liệt kê rộng các ý để biện minh tương tùy nghi hợp vật. “Lại Nhân thiên...”: Căn cứ đây cũng nên nói Bồ-tát cũng đoạn, cũng không đoạn, chỉ là văn lược.

Tiếp, nói “Nhị thừa cũng đoạn, cũng không đoạn”: Nhị thừa tuy đoạn, đoạn vẫn chưa tận cho nên nói “cũng đoạn cũng không đoạn”, các thứ khác có thể biết. Coi đây là mẫu, lấy ý các kinh tự tại mà hỏi, cho đến đầy đủ trải qua tứ giáo Thất phương tiện làm câu hỏi. Đây đều một nhà y nghĩa giả nói hỏi đáp đó thôi! Tiếp, “Đại luận...”: lại dẫn văn lập câu hỏi, nêu công thức ly hợp, thông các ý trước. Đại luận liền đối Ngũ thừa làm năm thiện căn cho nên được đối với Tạng v.v... làm câu hỏi. “Nhân thiên...”: là đáp, trong năm thừa hợp nhị thừa khai Phật, Bồ-tát làm hai. Đây dùng năm thiện vọng năm thừa mà nói. “Bốn tạng hợp phạm khai Thánh”: đem bốn tạng để vọng năm thừa, cho nên bốn tạng hợp Nhân thiên tại trong Nhị thừa khai Nhị thừa làm hai, Phật Bồ-tát làm hai. Nếu dùng năm thừa vọng bốn tạng, thì là đều khai Nhân thiên nhị thừa mỗi thứ làm hai, vẫn hợp Phật Bồ-tát làm một. Đã nói vì duyên không đồng do đó cũng được làm Tam thừa, chỉ là phạm Thánh đều hợp đó thôi! Chỉ do danh hợp nhiếp pháp không khắp, nêu các loại không hiển, cho nên không được chỉ dùng Nhị thừa để nhiếp. Nếu trực tiếp luận về thừa thì pháp gì lại không đắc? Đây đủ căn cứ ý trên tư duy có thể biết. Mưa thấm khắp tất cả thuận hợp sáu chương môn. Sáu chương

chính nêu tướng mưa tuôn.

“Nhất tướng” đến “nhất địa”: chân như chỉ là Nhất thật tướng. Bảy tướng chỉ là Thất phương tiện, dùng Thất tướng đối bảy tướng, cho nên nói “tướng”, tức hành tướng. Bảy giáo chỉ là Thất phương tiện giáo, lấy giáo đối giáo, cho nên nói “giáo”. “Từ “cái gọi là” trở xuống, là song thích”: Đầu tiên, song nêu lý giáo. Tiếp, “Chúng sinh...”: là trước giải thích tánh đối với tướng lý đức. Đầu tổng nêu. “Giải thoát...”: là liệt nêu kết. Tánh này ba đức tuy có ba tướng chỉ là một tướng. “Như Lai...”: là giải thích một vị, do Phật thuyết. Tánh đây có thể tu, tánh vốn không có danh mà đầy đủ các danh. Cho nên không nói mà nói, nói tức thành giáo, y giáo tu tập mới gọi là tu tam. Ví như người đọc giáo này mà không biết tu tánh, thì làm sao hiểu mà giải thích sớ văn trong đây? Kính thỉnh người đọc người hành tư duy soi chiếu. “Ba tướng đây...”: là lần nữa lại chỉ tánh ba, lấy làm cảnh tu. “Duyên sinh...”: là lần nữa lại nêu tướng tu, cho nên gọi là hạnh, hạnh tức nhân. “Cuối cùng thì...”: là nêu quả địa ba. Ba trí mãn, cho nên theo trí mà đặt tên, tức là trí ba, hạnh ba, tánh ba. Khai hợp nhiều ít, chuẩn vọng có thể biết. “Có khi...”: là nêu phân văn không đồng. “Giải thoát...”: là rộng giải thích tướng vị. Trước tướng, sau vị. Đầu tiên, trong giải thích tướng thì tánh đức chỉ là bản hữu ba đường (đạo).

Tướng giải thoát: Tức nơi nghiệp đạo là đức giải thoát. Ly tướng: Tức nơi phiền não là đức Bát-nhã. Tướng tịch diệt: Tức là khổ đạo, tức đức Pháp thân không có sinh tử..., dựa vào tu để giải thích. “Duy có...”: là kết, cho nên nói Thất tướng. “Nhất tướng...”: là chuyển giải thích Nhất tướng vô trụ bản lập tất cả pháp. Lý thì tánh đức duyên liễu, sự thì tu đắc ba nhân. Mê thì lưu chuyển trong ba đường, ngộ thì thẳng dụng trong quả. Như vậy bốn lớp đều do mê trung đạo thật tướng mà lập. Vô trụ đây vốn đầy đủ như trong Thích Tiêm quyển bảy đã giải thích, cho nên vô minh thật tướng đều gọi là vô trụ. Nay dùng vô tướng đối nơi sai biệt, chuyên chỉ Thất tướng gọi là bản vô trú. Vô trụ tức bản, gọi là bản vô trụ. Tùy duyên bất biến lý ở nơi đây. Hai môn Khởi và Trụ, nghĩa căn cứ đây có thể biết. Nhiệm tịnh hai loại đều tại mười môn. “Nhất vị...”: là căn cứ giáo giải thích, tướng trên chỉ nói không có sinh tử thôi! Căn cứ sau mới nói không có nhị tử, là vì giáo tại phân biệt. Trước, tướng chỉ nói “ly tướng là không có tướng Niết-bàn”, giáo đây mới nói đắc trí tuệ trung đạo cho đến lìa chấp nhị biên. Trước, tướng chỉ nói “vô tướng cũng vô tướng”, nay trong giáo nói nhị biên nhân quả diệt, lẽ ra nói Thông Biệt nhị hoặc trong ngoài nhị tử diệt. Nay đối trung đạo,

trung đạo từ lý nên nhân quả gọi là lia nhị biên, hai thứ Niết-bàn đây vĩnh viễn sai khác sách Tiểu thừa. Sách Tiểu thừa nói nhị diệt ắt không đồng thời, trong đây thì nhị diệt hoàn toàn không có trước sau. “Câu câu theo lệ làm nghĩa sai biệt và không sai biệt”: vì câu câu căn cứ giáo, giáo cũng cần hiển nghĩa sai biệt không sai biệt, cho nên lẽ ra đây đủ như trước nói trong một tướng, tức văn nói từ: “vô trú bản” đến “tức là không sai biệt”. Cho nên, nay đối giáo nêu rõ nghĩa sai biệt không sai biệt. Nếu không như vậy thì luống khai, phí hợp, đối nói, hành vô ích, nêu sông cái danh Nhất thừa, cuối cùng không có tôn chỉ Nhất thừa. Người bảm thọ Quyền giáo còn phải biết Quyền, hướng chi đối ở điểm cuối cùng này sao được chẳng sáng Thật? Quên rằng đều chưa nghe nói “tánh ác”, thì làm sao tin nổi “có hạnh tánh đức”.

“Cứu cánh...”: Trước trong tổng giải thích đã lược nêu xong. Nay rộng giải thích lý giáo, song kết chỗ trở về, năng thuyên sở thuyên đều giúp cho quả trí, cho nên nói cứu cánh thông luận lý giáo. Có đủ ba pháp mà chỉ nói Chung trí, là vì từ trí lấy cảnh. “Thất chủng (bảy thứ)...”: Cũng có người nói: Các câu trong đây mỗi mỗi đều nói Ngũ thừa Thất thiện, là ý gì? Quá phiền để lập lại! Nay xin ông lia ngoài giải thích đây mà hợp với kinh này, thì không có việc ấy! Cho nên, biết không dùng Thất thiện để phân biệt thì không do đâu mà hiển Thật. Thứ hai...: sáu khoa trước hiển Nhân pháp năng tri, nay giảm biện Nhân pháp sở tri, cho nên nêu mười thứ đây nhiếp hết các pháp. Lại trước chỉ là căn cứ nơi năng, nay thì căn cứ năng mà luận sở, các thứ tứ tam tuệ sở thủ. Bốn pháp sở thủ không ra ngoài nhân quả. Thể nhân quả, thể duy thật tánh, nhất nhất đối biện rõ mười pháp ở kinh khác. Ba đạo là ba đức chủng, tức tánh chủng. Vì hữu tánh sinh, cho nên gọi là chủng. Khi sinh chủng đây thuận biến làm tu, tu tánh nhất như không còn thể riêng biệt. Nói tương đối: Lại từ đương thể đối địch ngược nhau. Tức sự lý nhân quả mê ngộ buộc thoát... thủy chung lý nhất cho nên gọi là tánh. Nghĩa sóng nước chuẩn hướng nhau có thể biết. Sóng là, nước lẽ nào không tin ư? Nếu căn cứ loại: Loại nghĩa là giống như lệ, tức tu đức. Chúng sinh từ vô thủy thường ở trong ba đường, trong đó chỗ nào không có một chút chủng loại? “Phàm có tâm... chủng pháp thân”: hợp tánh kia ba làm một pháp thân, đối với tu mới hợp căn cứ tánh thường khai. Ba thứ đây từ biệt, nhất nhất đều sai khác.

Hỏi: Nếu như vậy, Bát-nhã giải thoát có chủng loại và dùng đối luận, thì Pháp thân loại chủng và Đối luận chủng là đồng hay khác?

Đáp: Theo lý thì một, còn nghĩa thì khác. Nói “theo lý thì một”

là chỉ duyên Lý nhất, cho nên tánh tu tương đối ly hợp. Nói “nghĩa thì khác”: Là đối sinh tử biên gọi là tương đối. Lý thể bản tịnh gọi là chủng loại.

Lại, nghe năng quán trí, gọi là chủng liễu. Nghe sở duyên lý, gọi là chủng chánh. Tức là lý tịnh và sự tịnh làm loại. “Các chủng sai biệt...”: Cần căn cứ các giáo các pháp giới mà rộng nói, không thể thuật đủ, chỉ là lý thể nhất ba đức chủng Như Lai năng biết. Nếu căn cứ giáo: Biệt giáo chỉ có chủng loại chủng mà không tương đối, ở trong đó chủng loại pháp thân vẫn Biệt, thủy chung thường tịnh chỉ không từ che lấp cho nên được gọi là chủng. Tạng, Thông hai giáo hoàn toàn không có nghĩa đây chỉ căn cứ đương giáo danh kia chẳng phải không có. Nhân thời ba học làm năm phần chủng. Đạt phần tức là hai giải thoát chủng. Niệm xứ tức là Bát-nhã chủng, ẩn hiển đều biệt đầy đủ như trong Chỉ Quán quyển ba nói. Cho nên ba giáo, giáo đạo có sai biệt, bản tại Viên thật không sai biệt. “Tướng, thể, tánh” ba thứ đã thông đầu cuối. Sở dĩ cần “căn cứ mười pháp giới mười như để giải thích”: là ở trước giải thích chữ “chủng” đã dùng tương đối và chủng loại để giải thích, nay đây ba pháp cũng nên theo lệ. Lại, trước trong chủng thì không nói mười giới mà lấy giới thấp nhất, trong loại thì tự nói thế trí... Cho nên mười giới đây không ngoài nhất niệm. Như trong phần rộng giải thích “Thập như” kia đã nêu. Lại, trước giải thích chủng không căn cứ mười giới, là vì muốn nêu rõ ba đức nghĩa tiện. Tướng đây... ba thứ cũng là ba đức. Đã có nghĩa chủng không cần y trước căn cứ giới thì tiện, cho nên trong mười giới có Phật cùng phàm, luận sai biệt không sai biệt, hoặc đối tam đế.

Tiếp, “Căn cứ ba pháp” tức là ba tuệ. Trong ba lớp thì đầu tiên đều nói “niệm”, niệm sở thủ cảnh. Tư Tu cũng như vậy. Cảnh tức sở văn, sở tư, sở tu. Đầu nói “Vì sao?” là chỉ cảnh sở thủ. “Sở niệm...”: là giáo hạ sở thuyên. Trước thì bốn pháp tùy giáo tức là có Tư Tu không đồng, đối giới là cảnh tăng giảm nhiều ít. Quán thể xảo chuyết (khéo, vụng) tùy nghĩa nên biết, là sai biệt không sai biệt dùng quyền đối thật. Đầu tiên nói dụng: Có thủ cảnh tuệ thì mới có sở thủ, nêu sự hiển tuệ cho nên nói dụng. Cái gọi là “thể”: tức đương thể. Trong cảnh nêu sự, sự là sở thủ. “Niệm...”: ở trước thủ sự sở thủ, nay thì trước nói thế nào? Chỉ năng niệm thể, Tư Tu cũng vậy, cho nên biết tức là đương thể của ba tuệ. Thể đây tức là năng Văn năng Tư năng Tu cho nên nói “ghi chép các pháp sở văn”. Nói “nhân duyên”: Nghĩa là nói vì sao cần phải nghe giáo! “Niệm...”: tức là năng văn... không do năng thủ khiến cho khác mà làm biệt tướng. Chính do pháp sở văn khác nhau mà phân

Ngũ thừa Thất thiện. Năng sở hòa hợp tức nhân duyên văn tư tu. Nói “thủ cảnh nghe (văn) pháp là nhân duyên”: Sở thủ năng thủ đều gọi là nhân, nghe pháp là duyên, sinh tuệ tức là sở sinh pháp. Lại, thủ cảnh: thủ cảnh ắt phải nghe pháp làm nhân. Lại trước nêu như thế, cho nên ba cảnh làm nhân, nghe pháp làm duyên. Tức ban đầu tuy có nghe... lại phải nghe pháp lấy làm duyên lành, nên nói nhân duyên. Nên biết ba tuệ cảnh thể và dùng nhân duyên tuy ba mà hai. Lần nữa lại giải thích nhân duyên, hợp cảnh thể trước, thể tức là trí cảnh ắt từ thể đặt tên. Thể ắt do cảnh lập xưng. Lần nữa lại nói nhân duyên: Đã thêm nghe pháp phòng chấp tự tha và lập lại lần xen nhân duyên. Ba nghĩa đầy đủ mới thành tuệ và thành sở vi (việc làm). “Như đây tam thừa...”: Ngũ thừa trừ Nhân thiên, bởi vì Nhân thiên thừa chưa gọi là tuệ.

Hỏi: Trước nói mười pháp giới, vì sao trong đây chỉ nói ba thừa?

Đáp: Rộng lược tuy khác, lý kia chỉ một, chỉ vì chủng thông, thừa hạn cuộc hợp đại khai tiểu, cho nên chỉ có ba thừa.

Lại nữa, chủng... bốn thứ ắt biến khắp mười pháp giới, trong đó khởi tuệ ắt chỉ có tam thừa, bởi vì tam thừa thông bốn pháp giới. “Nhân của Ngũ thừa...”: Tuệ ắt chỉ có ba nhân quả thông năm. Ly Bảy căn cứ giải thích có thể dùng ý hiểu. Không nói bốn thứ khởi: Lại từ thăng xuất, Sinh công căn cứ đủ các pháp: độ... để biện rõ Văn Tư Tu. Nhưng lược độ chưa thể phân nơi tam thừa. Lược độ thì thông khắp, ba thì nhiếp sáu. “Chính là căn cứ một pháp”: ba ý trước trong bốn ý, là căn cứ sở mà biện năng, đây thì căn cứ năng mà luận sở. Trong sở không sai biệt tức một pháp, cho nên ba ý trước Như Lai đều có một pháp không sai biệt, chỉ vì lại căn cứ nguyên do đối năng biết. “Không sai biệt vân vân” thì “vân vân” là: Chỉ là như trước nói sai biệt không sai biệt mà làm phân biệt.

“Vô lượng trong một”: Ý nói là vô lượng của một nhà, trong mỗi một đức đều có thể làm duyên phân biệt vô lượng, như nói nhiều các danh tự... . “Một trong vô lượng”: căn cứ đây có thể biết. “Vì sao?...”: đối Tiểu biện rõ Biệt! Vì sao dùng người Nhị thừa cũng có hai, đã lìa (trước) chấp trước mà nhập tịch, danh đồng mà thể khác, lần nữa lại đối giải thích. “Thường tịch diệt...”: lại dùng nghĩa không sai biệt kết Nhị thừa sai biệt. “Cuối cùng trở về Không”: căn cứ theo lệ có thể thấy. “Trịnh trọng cầm tay”: cầm tay là tiêu biểu nhắc nhở siêng năng, trước đã giải thích xong. Nay lại giải thích. Việc đây không dễ cho nên lần nữa lại khuyên siêng năng. Đức Phật tại thế còn như vậy huống chi đời mạt pháp. Bài xích: “Xưa nói” đến “như Phật...”: Người xưa dùng đây

giải thích Thọ lượng bên dưới, mất tôn chỉ càng xa. Nay lại dùng đây để giải thích giáo thường trú cho nên nói “làm khổ kinh”. Bất sinh bất diệt mà nói gián đoạn (sắp đoạn) cho nên nói “làm khổ Phật”. Kinh và Phật không có khổ, lỗi là do thêm vào, cho nên nói “làm khổ Phật...”. Ngài Quang Trạch nói Hữu dư mà chưa đủ biện rõ khác, nhưng các văn của Quang Trạch đều phá tam Tăng-kỳ Bồ-tát. “Không biết việc gì” đến “đây tức dùng tên Hữu dư của Tiểu thừa”: để hiểu rõ Tất cánh Không. “Có người...”: người khác vấn nạn Quang Trạch: Các sư xưa còn có người không chấp nhận sự giải thích này, huống chi các sư nay. “Kinh văn...”: Sư nay chính giải thích. Trước, “đối Nhị thừa”, lần nữa lại giải thích bởi có nguyên do. “Long Ẩn...”: dẫn các giải thích xưa để trách ngài Quang Trạch. Nhất vãng lại như vậy. Nhưng cũng không biết xưa Đệ nhất nghĩa Không cùng Tiểu thừa có gì sai khác? “Tùy tam Tất-đàn”: cũng lấy nhất thật làm Đệ nhất nghĩa đối Quyền làm ba, tức ngày xưa tùy muốn thuận quyền cơ.

“Lại nữa, tông giải thích nghi”: Nói tuy chưa mà chấp nhận làm đồng loại được thọ ký rồi tức chứng phần chân thật Phật, từ sau Lộc uyển thì lãnh đủ Quyền thật, đến thời Đề-hồ thì lãnh nghiệp bất hư. Phải biết trước tán thán Thích-ca, vốn muốn xưng tán Ca-diếp sở lãnh. Nói giải thích nghi là e rằng thời chúng đây nghe đức Phật thuật kia lãnh sở bất cập, không hiểu ý chỉ của Phật mà cho là Ca-diếp lãnh giải không đúng, cho nên thuật mình Quyền thật để tán thán Ca-diếp năng biết Như Lai tùy nghi thuyết pháp. Tuy tự lãnh mà thật đã kiêm tất cả.

Hỏi: Vì sao không giải thích thám nghi (dò xét nghi) ư?

Đáp: Tề giáo hiển lộ hư thật dễ biện. Cho nên đức Phật lại căn cứ Tề giáo thuật tán thán.

Hỏi: Nếu vậy, thì Thám rất đáng nghi, đâu riêng Tề giáo?

Đáp: Tuy khó mà dễ. Thời chúng nghe nói Như Lai nhị trí, biết Pháp thân Phật thường tư duy đại tiểu, chỉ sợ lãnh giáo chưa hẳn tận thiện cho nên Phật dùng hai giáo hai trí thuật Tề giáo kia không có sai lầm.

Lại, Tề giáo thuật còn tự không hư dối, nghiệm biết Thám lãnh cũng nên chẳng sai. “Giải thích ý thuật”: Trước vừa bài xích kia sở lãnh bất cập lẽ nào đến trong đây tức nói sở lãnh giải rất là hy hữu? Cho nên biết văn trước chỉ là Như Lai tự thuật năng biết, liên quan gì đến Ca-diếp? Cho nên, nay giải thích rằng: Thế Tôn tuy tức tự thuật mà về lý coi như Ca-diếp tất cả đều lãnh giải. Từ đầu đến cuối Ca-diếp đã tự lãnh giải mà cũng trải qua năm thời quyền thật, nghĩa xả tất cả cho nên

cũng kham tán thán rất là hy hữu. Nhưng Chương An lần nữa lại giải thích chỉ thuật mười ba bài kệ của phẩm trước tán thán ân sâu của Phật, tức là đương giới năng biết tùy nghi. Đương giới sự lý biến thấu tất cả. Hỏi: Trong đây thuật trước tán thán ân sâu của Đức Phật và người xưa có gì sai biệt?

Đáp: Người xưa trực tiếp nói ân sâu mà không biện rõ ân xa gần, cho nên trước dùng mười ba bài kệ lãnh đầy đủ từ đầu đến cuối. Nay Đức Phật thuật đủ mới gọi là thuật thành.

Đây là Chương An trợ giúp thấy, y ý đại sư tự thành tinh tế sâu xa. “Lẽ nào có...”: tức chỉ Ca-diếp... lấy làm một cơ, chỉ cỡi Ta-bà đây lấy làm một phương, các căn cơ khác không lãnh giải cho nên nói thuyết bất khả tận. Ca-diếp... bốn vị ở phẩm trước chưa thể, chỉ nói ân lớn của Như Lai. Như Lai từ xa quán sát biết Ca-diếp đã có khả năng lãnh giải hai thứ Giáo và Thám, thì lẽ nào không thể biết bốn ân đầu sâu rộng lớn ư! Cho đến sau cùng khiến ta hóa tha, nghi thức mười phương cũng không ngoài điều này. Cho nên nay trong văn trường hàng kệ tụng này thông thuật khắp, thì ba cỗ hai cây một đất một mưa thuật hết lãnh giải của Ca-diếp từ đầu đến cuối. “Thân tâm tài pháp”: Thân được thọ ký, tâm thấu hoạch pháp tài. Đã chứng đệ nhất nghĩa nhất thật Không tòa. Nếu y nghĩa đây thì Đức Phật vốn khắp thuật Ca-diếp lãnh giải từ đầu đến cuối. Thời chúng không lãnh giải, cho nên cần phải trừ nghi. Cho nên giải thích nói Ca-diếp năng biết. Nếu suy tìm ý đây thì tại sao được nói dùng bốn phục nạn cùng đây đồng? Nếu không như vậy, thì nói đại ân chủ ở chỗ nào? Thuật ân không khắp, ngược lại thành trái nghĩa. Nếu như vậy, ra đời trở lại nên tự chê, vì sao Phật tán thán năng tin năng thọ?

Tiếp, trong tụng không tụng, lược chỉ tụng rộng, bởi vì rộng nhiếp lược. “Tiếp, Người trí...”: là căn cứ quyền trí.

Hỏi: Đã nói “Người trí nếu được nghe”, đây ắt thuộc cơ, tại sao thuộc Phật?

Đáp: Nếu chẳng phải người có trí nói, thì làm sao có thể khiến người có trí tin. “Từ trước đây đều gọi là tà”. Ca-diếp... bốn vị chưa nghe trước thí dụ, nghĩa đương tà kiến, vì kiến chưa chánh. Cho nên biệt Đại kinh nói Ca-diếp Đồng tử tự thuật làm gương. Kia cũng chưa nghe, Niết-bàn về trước tự xưng tà kiến. Ứng thân” đến “hàm nhuận”: Phạm nói “thuyết pháp” chính là đối “ứng thân”, cho nên Thắng liệt ứng đều là sắc thân khẩu nghiệp tuyên biện. Tân kinh chính dùng Tha thọ dụng báo mà làm Xá-na, còn chẳng phải tự báo, lẽ nào không nói

ư? Nếu nói thể tức, mười thân đều tức, đâu riêng gì ứng ư? Mới có thể nói ba thân tức một, nói nín không khác, tại sao bỏ thân tượng sáu mà thiên chấp tôn tượng như hải? Như Không làm hoa, ngoài hoa thì chẳng có không. Công năng đầy đủ... cho nên biết xưa thì kinh sách nói thiên về Tiểu thừa, như mưa Viên thường không rơi xuống để khai hiển Phật tánh trong mười hai bộ kinh, cho nên mây không thể hàm nhuận. Trong hai vị trước tuy nói không thọ, tuy có nghĩa bất biến mà chẳng hàm nhuận, “Phật Tu Phiến Đa không thuyết pháp” đây dùng “hoàn toàn không thuyết” làm nghĩa “không bao hàm”, là ở văn Đại luận. “Đức Phật Đa Bảo không thuyết”: nghĩa như văn dưới.

“Chín mươi tám sử”, đầu tiên đoạn kiến ái đắc ích chân đế. Nói “địa thượng thanh lương”: là vị sáu căn thanh tịnh cũng lại trừ kiến ái. “Nói bách cốc (trăm thứ lúa) thông” đến “trăm điều thiện”: là Ngũ thừa đều lấy trăm điều thiện làm gốc. Nói “năng sinh”: Là theo quả mà nói, nếu theo nhân thì nói chính là trăm thiện sinh Ngũ thừa. Nhân Đại Tiểu thừa lẽ nào vượt quá mười thiện! Cho nên lấy mười thiện lại xen lẫn trang nghiêm. Nếu không năng tu xen lẫn nhân trang nghiêm, thì nay đã không luận. Nếu vậy thì Nhân thừa không có trăm thiện ư? Đáp: Rượu phòng ý địa, thông nói chẳng phải không có. “Cam giá...”: Đã nêu hai vật nên có thuộc đối, nay thử đối nó. “Cam giá”(mía ngọt) chất chỉ là một, có thể dùng ví như định. “Bồ đào”(nhô) hình nhiều dùng dụ cho tuệ. Tuệ căn cứ sở phá, định căn cứ sở duyên, tạm phân làm nhiều một. “Đã hiện ra trong đời...” ba hàng tụng mười hiệu, văn lược nghĩa hợp. “Xuất thế”, tức Vô thượng sĩ và Phật. “Vị thuyết” tức Chánh biến tri và Minh mạnh tức. Thế Tôn tức hiệu thứ mười. “Trong hàng Nhân thiên” tức Điều ngự tượng phu và Thiên nhân sư. Như Lai tức hiệu thứ nhất. Đến thiện, đi thiện kiêm nơi Thiện thế. Lại “xuất thế” tức Thế gian giải. “Thấm nhuần khắp tất cả...” là bốn hoàng thế: Thấm nhuần chúng sinh đầy đủ tức hoàng thế đầu, đều khiến lìa khổ tức thế thứ hai, đều khiến lìa nơi nhân quả khổ cho nên được vui an ổn tức thế thứ ba, và Niết-bàn lạc tức thế thứ tư. Ngũ thừa đều có vui thế gian đều khiến được vui Đệ nhất. Trong “Khuyên nghe thọ” lại chia làm hai: hai hàng đầu trước tán thán Phật. Tiếp, “Vị các đại chúng...” : là người năng thuyết thì tôn quý, cho nên sở thuyết là diệu pháp. Thất thiện đều quy nhất thừa, cho nên khuyên nghe thọ. Đây nêu nghĩa không sai biệt để giải thích sai biệt. “Đức Phật bình đẳng thuyết...”: Có yêu ghét cho nên có đây kia. Chẳng phải đối với căn cơ Phật thì yêu, cơ khác thì ghét. “Sang hèn và thượng hạ”: căn cứ ở vị. “Trì giới hay phá giới”: căn cứ

hành. “Lợi căn hay độn căn”: căn cứ tu tập. Cũng phải trải qua đủ Ngũ thừa Thất thiện lần lượt nói đó.

“Có người...”: tiếp giải thích “ba cỏ hai cây”. Sư xưa nói không đồng, chỉ loại cỏ lớn, hai cây, không nhất định dùng danh hợp, hai loại cỏ nhỏ và vừa thì kinh tự kết danh hợp, ắt không nghịch cãi. Nhưng không biết có hai thứ Nhị thừa, cho nên sư đầu tiên nêu đủ năm vị. Sư thứ hai, thứ ba chỉ nêu ba vị, do hai loại cỏ ý đồng ba đều chưa xưng. “Nhưng ba có...”: nay giải thích. Trước là tổng phi. Nói “tâm sư phản Phật trái kinh”: không thọ theo Phật nên là “tâm sư”, ý Phật không như vậy tức “phản Phật”. “Trái kinh”: Kinh nêu thọ nhuần không đồng để đối Ngũ thừa sai biệt, vì sao ba vị đều đồng tại một giáo? “Trong biệt thọ thắm nhuần” có hai giải thích tiến thoái: Đầu, chánh hiểu rõ kinh văn. Tiếp, dùng mộc lệ thảo căn cứ nghĩa để giải thích, thảo đã có ba, mộc cũng nên theo lệ, Trong phần “Nhân kiến thương thảo”, nói “câu Thế Tôn”: là nghĩa cũng thông sau. Trong “kiến tiểu thọ”, nói “chuyên tâm nơi Phật đạo”: nghĩa là thông từ đầu đến cuối. Trong “kiến đại thọ” nói “độ vô lượng muôn ức”: nghĩa, là thông hai thứ trước, tiện làm một thứ trải qua vị giải thích. Dùng cận đại, bỏ kinh xưa, mà luận các giáo Bồ-tát, đây là đại hoạn trong việc hiểu và giải thích kinh. Cho nên, nay biệt giải thích ngầm thuận với kinh văn. Thượng thảo là lục độ, đã nói hành Tinh tấn, Định. Trong lục độ thì Tinh tấn là tối thượng. Cho nên Đại luận nói: Thí, Giới, Nhẫn là thường pháp thế gian. Muốn tu định tuệ ắt phải tinh tấn, hướng lại thông tinh tấn nhập khắp trong năm độ kia; vì nghĩa này cho nên tinh tấn nhiếp sáu độ, không thể hai cây (mộc) chỉ tại ba kỳ. Trong phần tiểu thọ, kinh đã nói “Thường thực hành từ bi, tự biết mình làm Phật”. Lục độ Bồ-tát đệ tam tăng-kỳ mới quyết định biết, cho nên bất cập Thông, chỉ quá nhị địa ắt biết làm Phật, cho nên cùng trước khác, chính từ nghĩa thù thắng nêu. Trong phần đại thọ đã nói chuyển bất thoái chuyển, Biệt nhân Sơ địa năng chuyển pháp luân, đó là Niệm bất thoái. Tạng, Thông đến quả mới chuyển pháp luân, lẽ nào được gọi là Bồ-tát như vậy? Cho nên, biết là tại Biệt.

Tiếp, nghĩa lập ba cây (mộc) thông ba Bồ-tát. Khiến biết thông phương cho nên lại giải thích. Nên đầu Chánh Pháp Hoa theo lệ thì nói “ba cây hai cỏ”, dùng cỏ nhỏ làm “du du dực”, dùng cỏ lớn (thượng thảo) làm “thượng tôn dực”. Tụng văn chính nói ba loại cỏ thuốc và hai loại cây cho nên văn nay thông biệt hai giải. Trong phần giải thích tăng trưởng, Nhị thừa tăng trưởng hai giải thích không đồng, đều là ý sư nay. Trước giải thích đặc Tiểu thừa, hết sinh tử, mới gọi là “tối hậu”.

Tiếp, trong giải thích Đại thừa mới gọi là “hậu thân”. Đại Tiểu hai thứ đều gọi là tăng trưởng, tăng trưởng đều do gặp Phật. Chúng sinh tự cho là đương phần tăng trưởng, nay căn cứ ý Phật thì đều là đất, mưa, cho nên khiến đương phần viên (xa) có tăng trưởng, do đó đến phương này mới biết hợp nhất. Nói “không có hậu” (vô hậu) là tạm tùy Tiểu giáo, tạm gọi là “không có”, chẳng phải vĩnh viễn không có. Nếu được pháp thân Đẳng giác một phen chuyển đương nhập Diệu giác thì mới gọi là “tối hậu”.

Luận nói: La-hán phát tâm về sau, biên tế định lực khiến Phần đoạn thân kéo dài đến Biến dịch, không còn cải báo, thành tựu quả vô thượng, đây phần nhiều thuộc nghĩa Thông, bởi vì thông Bồ-tát quá Nhị thừa địa, mê hoặc nhuận sinh thân, hoặc là không trải qua sinh mà thành lễ nào Chánh giác. Hoa vương Phật quả mà dụng Nhị thừa biên tế định thân? Cho nên, ứng với câu hỏi: “Định đây cùng định Thủ Lăng-nghiêm kia đồng hay khác?”. Các luận đều nói xả thân Phần đoạn mà nhập Biến dịch. Theo Thiên Thân luận thì chủ ý chưa hẳn vậy; chỉ e rằng luận giải thích nghĩa không chính xác. Cho nên, biết: nói “tối hậu tăng trưởng” thì Đại tiểu đều sai biệt. “Không người có giáo” rất có thể làm pháp tắc.

Hỏi: Nếu vậy thì ba vị còn lại đều ứng với hai giải thích: 1) Ba vị nếu không gặp Phật thì đều không tăng trưởng, nếu được gặp Phật thì đương vị tăng trưởng. 2) Ở trước Pháp Hoa trú thân bốn vị được Phật điều thực, nếu đến Pháp Hoa được nhập nhất Thật thì mới gọi là tăng trưởng. Phải chăng?

Đáp: Nhưng trong năm vị thì Nhị thừa chấp mạnh cho là tối hậu, cho nên phải hai giải thích, ba thứ còn lại đã có rõ ràng trong văn tất cả văn ý trên dưới đều như vậy.

Hỏi: Nhị thừa đồng nói trú nơi thân tối hậu (sau cùng) ắt phải thấy Phật, Duyên-giác không như vậy là vì sao?

Đáp: Tuy sinh đời sau Phật, nguồn gốc nhân đời có Phật, tư duy có thể thấy. Tăng trưởng hậu..., nêu đủ ý Đại Tiểu xưa nay. Năm vị tuy tức tự nó là tăng trưởng, mà bắt đầu manh động đều là do đất, mưa. Nói đất mưa tuy về sau mới có tăng trưởng mà chắc chắn có từ ban đầu khởi chút ít. Nay mới chỉ do đất mưa từ đầu đến sau vậy. Cũng nên tùy nói ý Thông, Biệt tăng trưởng.

“Hỏi: Một đám mây một trận mưa cùng một âm, là đồng hay khác?” Ý của câu hỏi: dùng một đám mây một trận mưa và giáo một âm là đồng hay khác? Ý của lời đáp: một đám mây, một trận mưa đây

là biệt thí khai hiển, giáo một âm kia thì thông nhân quả và dùng Thiên Viên.

Trong đó, trước là phân nhân quả, tiếp là biện Thiên Viên. Trước nhân quả biệt, biệt ý tuy vậy cũng tùy các giáo. Hai thứ mây mưa dùng thí dụ các giáo, nhân quả tùy phân một âm. Nay từ cứu cánh mây mưa để hỏi, trong đáp thì biệt trình bày hai thứ một âm. Nói “hạ địa”: Hoặc là chỉ Viên giáo sáu căn, hoặc chỉ Biệt giáo địa tiền, hoặc là chỉ Sơ trụ trở lên, Đẳng giác về trước. Lẽ nào có thể hoàn toàn không có tùy loại một âm? Tiếp, trong biện Thiên Viên thì trước là nêu xưa trái. Tiếp trong chánh giải thích có ba:

- 1) Viên,
- 2) Thiên.
- 3) Nêu tự báo.

Trong Viên, dẫn Đại luận: Phá ba sư trên. Cái gọi là “báo”: tức là đáp trả. Như một âm đây cũng thông hạ địa, chỉ có không liên quan đến sáu căn. Tiếp, “luận Tỳ-Bà-sa...”: dẫn Thiên để phát thảo Viên, đại khái theo lệ muốn đồng, nhưng kia chỉ là một âm của Phật theo Tam tạng giáo. Nếu không như vậy, thì có thể dùng luận Bà-sa giải thích Hoa Nghiêm chăng? Trong năm trăm La-hán có bảy Bồ-tát kiến giải hay không? Du-già còn biệt đồng khác vĩnh viễn trái nhau.

“Ca-diếp nên biết”: Trong tụng Khai thí, đầu tiên đã nói: “Bọn ông, Ca-diếp nên biết...” cho nên tụng văn sau không còn chủ yếu lập lại xưng tán là bởi do đây. Đời Tùy ngài Cấp-đa dịch gọi là “Thêm Phẩm Pháp Hoa”, ngoài ra các văn hoàn toàn dựa vào diệu bản. Kia thấy chánh bản sau kệ lại có một trường hàng kệ tụng, bèn dịch lại, thêm sau văn đây; lại đời phẩm Chúc Lụy để sau phẩm Khuyến Phát. Ngoài ra, phần trước giải thích đều không sửa đổi. Dịch lại, ngôn từ phần nhiều tự như chánh bản. Phần thêm là phần đầu trong trường hàng. Trước dùng thí dụ nhật nguyệt để tán thán Phật trí (đây cùng văn trước cho nên ngài La-Thập không dịch). Tiếp nêu trong Ngũ thú có Tam thừa. Trong Tam thừa mà nói bình đẳng (cũng trùng lập tự như văn trước). Tiếp, Ca-diếp hỏi: Vì sao thi thiết Tam thừa giáo? Đức Phật dùng đồ gốm làm thí dụ, nghĩa tiêu biểu không đồng chẳng dính dáng đến bèn sai khác.

Ca-diếp lại hỏi: Các thứ kia giải xuất ngoài tam giới là một hay hai hay ba ư? Đức Phật đáp: Nếu giáo thể bình đẳng thì không còn hai- ba (đây cũng đồng trong quyển thứ nhất nói diệt độ tưởng). Tiếp, nhân đây về sau Đức Phật vì Ca-diếp nói Thí dụ mù bẩm sinh. Đầu tiên, “không thấy sắc”, dụ các phàm phu; tiếp, “dùng nhãn khai” ví như Nhị

thừa; tiếp, “thiên nhãn khai”, ví Đại thừa. Kệ lập lại tụng đó thôi! Cho nên, biết rằng: không có ở đây thêm vấn vì đại chỉ không thiếu. Nếu kia có thì thuật thành lại dư. Ngài Thập Công không dịch ý không phiên vấn. Nam Sơn nói: Cấp-đa thì thay đổi phẩm Chúc Lụy. Căn cứ đây cũng nên nói “Di Phẩm Pháp Hoa”.

